

CÔNG KHAI
CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023 - 2024 VÀ DỰ KIẾN MỨC THU 4 NĂM TIẾP THEO
NĂM HỌC 2024-2025; NĂM HỌC 2025 - 2026; NĂM HỌC 2026-2027; NĂM HỌC 2027-2028

STT	CÁC KHOẢN THU	NĂM HỌC 2023 - 2024	NĂM HỌC 2024 - 2025	NĂM HỌC 2025 - 2026	NĂM HỌC 2026 - 2027	NĂM HỌC 2027 - 2028
		MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU	DỰ KIẾN MỨC THU
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa					
1	Tổ chức dạy 2 buổi/ngày (đối lớp 5)	100.000 đồng/tháng	0	0	0	0
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	100.000 đồng/hs/tháng (Lớp 1,2,5)	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng
3	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	25.000 đồng/hs/tháng (Lớp 1) 50.000 đồng/hs/tháng (Lớp 2,5)	50.000 đồng/hs/tháng	50.000 đồng/hs/tháng	50.000 đồng/hs/tháng	50.000 đồng/hs/tháng
4	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học	35.000 đồng/hs/tháng (Khối 3,4)	35.000 đồng/hs/tháng	35.000 đồng/hs/tháng	35.000 đồng/hs/tháng	35.000 đồng/hs/tháng
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu	28.000 đồng/hs/tháng (Khối 1,3) 56.000 đồng/hs/tháng (Khối 2,4)	56.000 đồng/hs/tháng	56.000 đồng/hs/tháng	56.000 đồng/hs/tháng	56.000 đồng/hs/tháng
6	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	69.000 đồng/hs/tháng	69.000 đồng/hs/tháng	69.000 đồng/hs/tháng	69.000 đồng/hs/tháng	69.000 đồng/hs/tháng
7	Tiền tổ chức học bơi	180.000 đồng/hs/tháng (khi có thực hiện)	180.000 đồng/hs/tháng (khi có thực hiện)	180.000 đồng/hs/tháng (khi có thực hiện)	180.000 đồng/hs/tháng (khi có thực hiện)	180.000 đồng/hs/tháng (khi có thực hiện)
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng	100.000 đồng/hs/tháng
9	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	250.000 đồng/hs/tháng	250.000 đồng/hs/tháng	250.000 đồng/hs/tháng	250.000 đồng/hs/tháng	250.000 đồng/hs/tháng
10	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng	550.000 đồng/hs/tháng
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án					
11	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	3.600.000 đồng/hs/tháng	3.600.000 đồng/hs/tháng	3.600.000 đồng/hs/tháng	3.600.000 đồng/hs/tháng	3.600.000 đồng/hs/tháng

III Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú					
12	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	200.000 đồng/hs/tháng	200.000 đồng/hs/tháng	200.000 đồng/hs/tháng	200.000 đồng/hs/tháng
13	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	220.000 đồng/hs/năm học	220.000 đồng/hs/năm học	220.000 đồng/hs/năm học	220.000 đồng/hs/năm học
IV Các khoản thu hỗ trợ cho cả nhân học sinh					
14	Học phẩm	Lớp 1: 42.000 đồng/hs/năm học (Học bạ: 12.000đ; đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số thu tiền bán trú: 5.000đ) Lớp 2,3,4,5: 30.000 đồng/hs/năm học học (đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số bán trú: 5.000đ)	Lớp 1: 42.000 đồng/hs/năm học (Học bạ: 12.000đ; đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số thu tiền bán trú: 5.000đ) Lớp 2,3,4,5: 30.000 đồng/hs/năm học học (đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số bán trú: 5.000đ)	Lớp 1: 42.000 đồng/hs/năm học (Học bạ: 12.000đ; đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số thu tiền bán trú: 5.000đ) Lớp 2,3,4,5: 30.000 đồng/hs/năm học học (đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số bán trú: 5.000đ)	Lớp 1: 42.000 đồng/hs/năm học (Học bạ: 12.000đ; đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số thu tiền bán trú: 5.000đ) Lớp 2,3,4,5: 30.000 đồng/hs/năm học học (đề kiểm tra: 10.000đ, phụ hiệu: 15.000đ, số bán trú: 5.000đ)
15	Tiền suất ăn trưa bán trú	Từ ngày 05/9/2023-13/10/2023: 30.000 đồng/hs/ngày Từ ngày 16/10/2023-31/5/2023: 34.000 đồng/hs/ngày	34.000 đồng/hs/ngày	34.000 đồng/hs/ngày	34.000 đồng/hs/ngày
16	Tiền nước uống	20.000 đồng/hs/tháng	20.000 đồng/hs/tháng	20.000 đồng/hs/tháng	20.000 đồng/hs/tháng
17	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	30.000 đồng/hs/năm học	30.000 đồng/hs/năm học	30.000 đồng/hs/năm học	30.000 đồng/hs/năm học
18	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chỉ phí bảo trì máy lạnh)	20.000 đồng/hs/tháng (1 máy) 40.000 đồng/hs/tháng (2 máy)	20.000 đồng/hs/tháng (1 máy) 40.000 đồng/hs/tháng (2 máy)	20.000 đồng/hs/tháng (1 máy) 40.000 đồng/hs/tháng (2 máy)	20.000 đồng/hs/tháng (1 máy) 40.000 đồng/hs/tháng (2 máy)
19	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Số liên lạc điện tử: 15.000 đồng/hs/tháng	15.000 đồng/hs/tháng	15.000 đồng/hs/tháng	15.000 đồng/hs/tháng

Người lập biểu

Đặng Trần Ngọc Thùy

Nguyễn Hữu Hùng Huy

